

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2025/HSST
Ngày 08 tháng 12 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Thanh Tùng
Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Dương Hữu Yến Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 152/2025/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Thị T - sinh ngày 20/10/1990 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Tổ C H, phường V, thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Dược sĩ; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Xuân H và bà Bùi Thị L; Chồng: ông Nguyễn Văn H1, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Chị Phan Huy Minh K, sinh ngày 20/6/2007

Địa chỉ: D T, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982

- Ông Phan Quang H2, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: 6 G, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Bà T1 có mặt, ông H2 vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990

Địa chỉ: H L, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Ông H1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2023, Phạm Thị T nhận cầm thế 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím của bà Nguyễn Thị T1 để cho vay nhiều lần với tổng số tiền 12.000.000 đồng. Sau đó, T cho rằng chiếc điện thoại trên là điện thoại hàng Trung Quốc, không tương xứng với số tiền đã cho bà T1 vay nên nhiều lần yêu cầu bà T1 thanh toán nợ, tuy nhiên bà T1 liên tục xin khất hạn do chưa có tiền trả nợ.

Vào lúc 12 giờ 15 phút ngày 12/01/2025, T cùng chồng là ông Nguyễn Văn H1 đến nhà bà T1 tại địa chỉ 6 G, phường B, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết việc nợ tiền. Tại đây, ông H1 ngồi ở cửa ra vào, còn T ngồi trong phòng khách nói chuyện với bà T1, yêu cầu trả tiền nợ thì bà T1 không có tiền nên khất hạn lần sau sẽ trả. Trú gọi điện thoại qua mạng xã hội zalo cho ông Phan Quang H2 - chồng bà T1 và yêu cầu ông H2 phải có trách nhiệm trong việc trả nợ cho bà T1 nhưng ông H2 không đồng ý. Lúc này, T thấy cháu Phan Huy Minh K - con gái bà T1 đang ngồi trong phòng khách, trên tay cầm chiếc điện thoại Oppo Reno 12, 512GB xem phim, T liền đứng dậy, nhanh chóng đến giật lấy chiếc điện thoại của cháu K rồi bỏ đi. Bà T1 và cháu K đi theo xin lại nhưng T không trả. Sau đó, T cầm điện thoại trên đi về và cất tại tiệm thuốc tây của mình. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, bà T1 đến Công an xã V trình báo toàn bộ sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 15/4/2025, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: Giá trị điện thoại Oppo Reno 5G 512GB tại thời điểm định giá ngày 12/01/2025 có giá là 12.594.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSKV1 ngày 27/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa truy tố Phạm Thị T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 09 (Chín) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Về trách nhiệm dân sự và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa; thống nhất với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo do bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ và cha mẹ già. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 không có yêu cầu gì về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quang H2 vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố; khẳng định những lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều tự nguyện, đúng sự thật, không bị bức cung. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 12/01/2025, tại địa chỉ 6 G, phường B, tỉnh Khánh Hòa, Phạm Thị T đã lợi dụng lúc chị Phan Huy Minh K không chú ý, bất ngờ nhanh chóng chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12, 512GB có giá trị 12.594.000 đồng, rồi bỏ đi.

Căn cứ lời khai của bị hại tại hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo nhanh chóng chiếm đoạt tài sản do bị hại đang quản lý, sử dụng, rồi nhanh chóng rời đi mà không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại trước và sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật và có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, khi đánh giá toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội xuất phát từ mối quan hệ vay mượn, cầm cố tài sản giữa bị cáo và mẹ bị hại. Quá trình vay mượn, bị cáo nhiều lần yêu cầu mẹ bị hại trả nợ nhưng không được giải quyết; đồng thời cho rằng giá trị tài sản cầm cố không tương xứng với số tiền bị cáo cho vay (*hồ sơ vụ án thể hiện tài sản cầm cố chỉ trị giá 4.000.000 đồng trong khi tổng số tiền bị cáo nhiều lần cho vay là 12.000.000 đồng*). Từ đó, bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của bị hại nhằm gây sức ép để mẹ bị hại sớm trả nợ; chứ không phải nhằm chiếm đoạt tài sản để tư lợi. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc bị cáo phạm tội.

Xét thấy hành vi của bị cáo mang tính bộc phát, không có sự chuẩn bị từ trước và không có sự cấu kết hay bàn bạc với bất kỳ ai, việc bị cáo lựa chọn

cách thức đòi nợ bằng hành vi chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc dù nguyên nhân, mục đích hành vi phạm tội của bị cáo không làm mất tính chất nguy hiểm của hành vi nhưng là tình tiết giúp đánh giá mức độ lỗi và động cơ phạm tội của bị cáo cần được xem xét khi lượng hình.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5.2] Về nhân thân: Bị cáo là được sỹ, có nhân thân tốt; được UBND phường B xác nhận tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch do địa phương tổ chức trong giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát nghiêm trọng và các hoạt động quyên góp từ thiện tại địa phương. Xét hoàn cảnh gia đình, chồng bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba nhưng đã phục viên từ ngày 28/06/2021 và theo xác nhận của địa phương hiện không có nguồn thu nhập; bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ già và 02 con nhỏ.

[5.1] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*); được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu; được địa phương xác nhận có đóng góp tích cực trong công tác phòng chống dịch và hoạt động thiện nguyện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng và hoàn cảnh gia đình đặc biệt như đã phân tích nêu trên. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn có thể giáo dục, cải tạo bị cáo thông qua việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Việc áp dụng chính sách khoan hồng này vừa đảm bảo tính răn đe, vừa tại điều kiện để bị cáo nhận thức được lỗi lầm, sửa chữa, ổn định cuộc sống và tiếp tục chăm lo cho gia đình.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại Oppo Reno 12, màu hồng đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp trong quá trình điều tra nên không xem xét, giải quyết.

- 01 điện thoại iphone 14 promax không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đã trả lại cho bị cáo trong quá trình điều tra nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn H1 chỉ đi theo bị cáo đến nhà bị hại, không có hành vi giúp sức cho bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại; ngoài ra, ông H1 còn khuyên bị cáo trả lại tài sản cho bị hại. Do đó không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Căn cứ các Điều 136; 292; 293; 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **01 (Một)** năm tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02 (Hai)** năm tính từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2025).

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân phường B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Phạm Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng vụ án: Những tài sản mà đã trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp trong quá trình điều tra nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đề yêu cầu Toà án tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- UBND phường B;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Khánh Hòa.
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm